

Bản án số: 43/2017/ HSST  
Ngày : 14/11/ 2017

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH NINH BÌNH**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:** Ông Vũ Nhật Trung.
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Vũ Văn Chiến và bà Đinh Thị Hải Vân.
- **Thư ký ghi biên bản phiên toà:** Bà Đinh Thị Hồng Huệ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà:** Bà Phạm Thị Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 46/2017/ HSST ngày 01 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

- **Họ và tên bị cáo:** **Trần Thị M-** Sinh năm 1965; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Xóm 11, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hoá: 7/10; con ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị T ( Đều đã chết); có chồng là ông Phạm Văn L, sinh năm 1957; có 03 con, con lớn sinh năm 1988, con nhỏ sinh năm 1994.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “ Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

**- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- + Chị Bùi Thị L - Sinh năm 1988; trú tại: Xóm N, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định; có mặt.
- + Anh Lã Văn H - Sinh năm 1998; trú tại: Thôn T, xã N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.
- + Anh Phạm Văn L Sinh năm 1957; trú tại: Xóm 11, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; có mặt.
- + Anh Nguyễn Văn D - Sinh năm 1983; trú tại: Phố T, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

**NHẬN THẤY**

Bị cáo Trần Thị M bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Cơ sở kinh doanh lưu trú – Karaoke Q địa chỉ ở Xóm 11, xã K, huyện Y, được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kinh doanh năm 2014 do anh Phạm Văn L sinh năm 1957 ở xóm 11, xã K, huyện Y làm chủ cơ sở. Quá trình kinh doanh, anh L giao cho vợ là Trần Thị M trực tiếp quản lý kinh doanh. Trong quá trình kinh doanh có Bùi Thị L (sinh năm 1988, ở xóm N, xã Đ, huyện V, Nam Định) đến làm nhân viên phục vụ quán hát, giữa M và L có thỏa thuận nếu có khách đến mua dâm thì L bán dâm cho khách, mỗi lần bán dâm L lấy của khách 200.000 đồng và phải trả cho M 100.000 đồng.

Khoảng 12 giờ ngày 03/6/2017, Lã Văn H (sinh năm 1998, ở thôn T, xã N, TP N, tỉnh Ninh Bình) cùng với Nguyễn Văn D (sinh năm 1983, ở phường N, TP N, tỉnh Ninh Bình) xuống hát Karaoke tại quán Q và được hướng dẫn hát tại phòng số 02 của quán, khi vào hát thì có L phục vụ, H đã thỏa thuận việc mua dâm với L và được L đồng ý, một lần mua dâm là 200.000 đồng, sau đó cả hai vào phòng nghỉ số 04 để thực hiện việc mua bán dâm. Sau khi H đi mua dâm, anh D rời khỏi phòng hát ra quầy thanh toán tiền cho Trần Thị M số tiền 200.000 đồng tiền L bán dâm cho H và 170.000 đồng tiền hát Karaoke, D đưa cho M 500.000 đồng được M trả lại 130.000 đồng. Khoảng 13 giờ 25 phút cùng ngày Công an huyện Y kiểm tra hành chính, phát hiện lập biên bản. Thu giữ số tiền 630.000 đồng (của M 500.000 đồng, D 130.000 đồng), 04 bao cao su nhãn hiệu Hello chưa qua sử dụng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia của M. Khám xét khẩn cấp, cơ quan điều tra thu giữ thêm 07 bao cao su nhãn hiệu Hello chưa qua sử dụng, bắt khẩn cấp Trần Thị M, niêm phong vật chứng về trụ sở Công an huyện Y làm việc. Quá trình điều tra thu giữ thêm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A37F của Bùi Thị L, thu giữ 01 giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự để làm ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; 01 giấy phép kinh doanh Karaoke đều mang tên Phạm Văn L.

Sau khi tiến hành xác minh, điều tra ban đầu, Trần Thị M cung cấp giấy ra viện tháng 6 năm 2016 của bệnh viện tâm thần tỉnh Ninh Bình chẩn đoán rối loạn hỗn hợp lo âu và trầm cảm (F41.2), sổ khám bệnh và đơn thuốc do vậy Cơ quan điều tra quyết định trả tự do, không áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ đối với Trần Thị M.

Ngày 15/6/2017 Cơ quan điều tra Công an huyện Y ra Quyết định trưng cầu giám định số 54, trưng cầu Viện pháp y tâm thần Trung Ương đối với Trần Thị M. Tại bản kết luận giám định số 281/KLGD của Viện pháp y tâm thần Trung Ương kết luận : “ Trước, trong, sau khi thực hiện hành vi phạm tội Trần Thị M bị bệnh rối loạn hỗn hợp lo âu và trầm cảm. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F41.2. Đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi ”.

Quá trình điều tra, Trần Thị M đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đối với anh Phạm Văn L (chồng của Trần Thị M) đứng tên chủ kinh doanh, M là người quản lý, anh L không biết M chứa mại dâm, do vậy Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với L.

Đối với người mua dâm là Lã Văn H cùng với người bán dâm là Bùi Thị L, Cơ quan điều tra đã xử lý hành chính theo quy định của pháp luật.

Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ : Cơ quan điều tra đã trả lại 02 chiếc điện thoại di động cho Trần Thị M và Bùi Thị L, số tiền 130.000 đồng cho anh Nguyễn Văn D do không liên quan đến vụ án, trả lại cho anh Phạm Văn L 01 giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự để làm ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; 01 giấy phép kinh doanh Karaoke. Số vật chứng còn lại 11 bao cao su và 500.000 đồng chuyển Chi cục thi hành án dân sự quản lý theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 47/CT-VKS ngày 30 tháng 10 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo Trần Thị M ra trước Tòa án nhân dân huyện Y để xét xử về tội: “ Chứa mại dâm” theo khoản 1 Điều 254 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Thị M về tội: “ Chứa mại dâm” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 254; điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/06/2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 327; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt:

- Bị cáo Trần Thị M mức án từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng kể từ ngày tuyên án. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 200.000 đồng là khoản tiền do phạm tội mà có đã thu giữ của bị cáo.

Trả lại cho bị cáo Trần Thị M số tiền 300.000 đồng là khoản tiền không liên quan đến vụ án. Nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu tiêu hủy 11 bao cao su nhãn hiệu Hello chưa qua sử dụng đã thu giữ của bị cáo nhưng không có giá trị sử dụng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

## **XÉT THẤY**

Tại phiên toà bị cáo Trần Thị M đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu:

Bị cáo M khai nhận: Cơ sở kinh doanh lưu trú – Karaoke Q, đã được cấp giấy chứng nhận kinh doanh, do chồng là ông Phạm Văn L làm chủ cơ sở. Trong kinh doanh, ông L đã giao cho bị cáo M trực tiếp quản lý kinh doanh. Trong khi kinh doanh có Bùi Thị L, quê ở xã Đ, huyện V, Nam Định đến xin làm nhân viên phục vụ tại quán hát, sau đó giữa M và L đã thỏa thuận việc mua bán dâm khi khách có nhu cầu được L nhất trí, mỗi lần bán dâm L thu của khách 200.000 đồng và phải trả cho M 100.000 đồng.

Vào khoảng 12 giờ ngày 03/6/2017 có Lã Văn H, ở xã N và Nguyễn Văn D ở phường N, thành phố Ninh Bình xuống hát Karaoke tại quán Q và hát tại phòng số 02 của quán, khi vào hát thì có L phục vụ, trong quá trình hát thì H và L đã thỏa thuận việc mua dâm với L, L đồng ý, một lần mua dâm là 200.000 đồng, sau đó cả hai đi vào phòng nghỉ số 04 để mua bán dâm. Sau khi H đi mua dâm thì D đi ra quầy gặp bị cáo M và H nói với M “ Không hát nữa, buồn có bạn đi gái rồi”, D thanh toán và đưa tờ tiền 500.000 đồng cho M, M cầm tiền và thanh toán 200.000 đồng là tiền L bán dâm cho H và 170.000 đồng tiền hát, M trả lại cho D 130.000 đồng. Sau đó Công an huyện Y đến kiểm tra hành chính, thì phát hiện tại phòng nghỉ số 4 có H và L đang có hành vi mua bán dâm nên lập biên bản. Thu giữ 04 bao cao su nhãn hiệu Hello chưa qua sử dụng và thu giữ của M số tiền 500.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia; thu giữ của D là 130.000 đồng. Sau khi khám xét cơ quan điều tra thu giữ thêm 07 bao cao su nhãn hiệu Hello chưa qua sử dụng, cơ quan điều tra niêm phong vật chứng đưa về trụ sở Công an huyện Y làm việc.

Bị cáo M là người trực tiếp quản lý kinh doanh quán hát và đã thỏa thuận với L về việc mua bán dâm tại cơ sở kinh doanh do mình quản lý, sau khi có người mua dâm thì M đứng ra thu tiền mua dâm của khách, ngày 03/6/2017 L đã bán dâm cho H, M biết nên đã thu 200.000 đồng tiền mua dâm và thu 170.000 đồng tiền hát. Số tiền mua dâm M được hưởng 100.000 đồng, còn lại là của người bán dâm. Hành vi nên trên của bị cáo M là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến đạo đức, đời sống văn hóa và trật tự trị an xã hội, hành vi của bị cáo M đã phạm vào tội “ Chứa mại dâm” được quy định tại khoản 1 Điều 254 của Bộ luật hình sự. Do đó cần phải xử phạt bị cáo với mức án nghiêm minh, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, có như vậy mới đủ điều kiện để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho gia đình và xã hội, cũng như góp phần đấu tranh và phòng ngừa tội phạm.

Ngoài ra tại cơ quan điều tra bị cáo M đã xuất trình giấy ra viện vào tháng 6 năm 2016 về việc đã điều trị bệnh theo chuẩn đoán là rối loạn hỗn hợp lo âu và trầm cảm (F41.2), sổ khám bệnh, đơn thuốc, hồ sơ bệnh án điều trị tại bệnh viện tâm thần tỉnh Ninh Bình.

Ngày 15/6/2017 Cơ quan điều tra Công an huyện Y ra Quyết định trưng cầu giám định số 54, trưng cầu Viện pháp y tâm thần Trung Ương đối với Trần Thị M. Tại bản kết luận giám định số 281/KLGD của Viện pháp y tâm thần Trung Ương kết luận: “ Trước, trong, sau khi thực hiện hành vi phạm tội Trần Thị M bị bệnh rối loạn hỗn hợp lo âu và trầm cảm. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F41.2. Đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi ”.

Do vậy khi quyết định hình phạt, cần xem xét đến các tình tiết nặng nhẹ giảm nhẹ của bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, về tính tiết giảm nhẹ là trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, mặt khác bị cáo có bố đẻ là người có công với nước đã được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, Huân chương kháng chiến hạng nhì, tặng kỷ niệm chương chiến sĩ cách mạng bị địch bắt tù, đây, bản thân bị cáo là người có bệnh, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm p khoản 1 và khoản 2

Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 và điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Để thực hiện các quy định có lợi cho người phạm tội, quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội có hiệu lực thi hành. Tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định khung hình phạt từ 01 năm đến 05 năm. Như vậy tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định khung hình phạt nhẹ hơn quy định tại khoản 1 Điều 254 Bộ luật hình sự năm 1999. Do đó Hội đồng xét xử xem xét để áp dụng mức hình phạt cho phù hợp đối với hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

Xét thấy bị cáo M có hai tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 và khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, bản thân bị cáo là người đang có bệnh và phải điều trị thường xuyên, bị cáo có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục cũng đủ điều kiện để cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện cho xã hội. Xét đơn của bị cáo M xuất trình tại phiên tòa, thể hiện bị cáo hiện đang có bệnh, sức khỏe yếu không có thu nhập, cuộc sống phụ thuộc vào gia đình, nên xét miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

Trong vụ án này còn có ông Phạm Văn L là người đứng tên chủ kinh doanh, song bị cáo M là người trực tiếp quản lý, ông L không biết việc M chứa mại dâm, do vậy Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông L là phù hợp.

Đối với người mua dâm là Lã Văn H cùng với người bán dâm là Bùi Thị L, Cơ quan điều tra đã xử lý hành chính là đúng quy định của pháp luật.

Về tài sản thu giữ : Cơ quan điều tra đã trả lại 02 chiếc điện thoại di động cho Trần Thị M và Bùi Thị L; số tiền 130.000 đồng trả cho anh Nguyễn Văn D do không liên quan đến vụ án, trả lại cho anh Phạm Văn L 01 giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự để làm ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; 01 giấy phép kinh doanh.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn L, anh Lã Văn H, chị Bùi Thị L và anh Nguyễn Văn D, đều đã nhận lại tài sản đầy đủ nên không có ai yêu cầu hay đề nghị gì, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xen xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 200.000 đồng là khoản tiền do phạm tội mà có đã thu giữ của bị cáo.

Trả lại cho bị cáo Trần Thị M số tiền 300.000 đồng đã thu giữ là khoản tiền không liên quan đến vụ án. Nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu tiêu hủy 11 bao cao su nhãn hiệu Hello chưa qua sử dụng, đã thu giữ của bị cáo nhưng không có giá trị sử dụng.

- **Án phí:** Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của Pháp luật.

**Vì các lẽ trên:**

## **QUYẾT ĐỊNH**

1. Tuyên bố bị cáo Trần Thị M phạm tội “ Chứa mại dâm”.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 254; điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/06/2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 327; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Trần Thị M 15 ( Mười lăm ) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 ( Ba mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án ( Ngày 14/11/2017).

Giao bị cáo Trần Thị M cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình là nơi bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã K trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

**2. Về vật chứng:** Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 200.000 đồng ( Hai trăm nghìn đồng) là khoản tiền do phạm tội mà có đã thu giữ của bị cáo.

- Tịch thu tiêu hủy 11 bao cao su nhãn hiệu Hello chưa qua sử dụng đã thu giữ của bị cáo nhưng không có giá trị sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Trần Thị M số tiền 300.000 đồng ( Ba trăm nghìn đồng) đã thu giữ là khoản tiền không liên quan đến vụ án. Nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Số tiền và vật chứng nêu trên Công an huyện Y đã chuyển cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Y gồm: 01 phong bì thư niêm phong ở ngoài có ghi: Số tiền 500.000 đồng tạm giữ của Trần Thị M và 01 phong bì niêm phong ở ngoài có ghi: 07 bao cao su nhãn hiệu Hello và 04 bao cao su nhãn hiệu Hello vỏ màu tím chưa qua sử dụng, thu giữ của Trần Thị M, theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 10/11/2017.

**3. Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Thị M phải nộp 200.000 đồng ( Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm bị cáo và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Y.
- Chi cục THA DS huyện Y .
- Công an huyện Y.
- Bị cáo.
- Người CQLNVLQ.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM / HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Vũ Nhật Trung**